

Bản án số: 887/2019/HC-PT
Ngày 11 - 12 - 2019
V/v Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Bà Phạm Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 279/2018/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2018 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC- ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10786/2018/QĐPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1965. (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: tổ 1, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nơi cư trú: khu phố 5, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Người bị kiện:

+ Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương

+ Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương

(Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1942; địa chỉ: khu phố 5, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt, có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị K tham gia tố tụng).

4. Người kháng cáo:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Người khởi kiện bà Nguyễn Thị K trình bày:

Cha mẹ bà K là ông Nguyễn Thành Ph và bà Nguyễn Thị D. Năm 1992, mua 354m² đất tại phường P1 (nay là phường P), thành phố T, Bình Dương. Ngay sau đó, cha mẹ bà K đã cho xây hàng rào bao quanh toàn bộ diện tích này và cất nhà để gia đình bà K sinh sống.

Năm 1992, cha mẹ bà được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trong giấy chỉ thể hiện 260m² là đất thổ cư. Diện tích còn lại 94m² tuy không thể hiện trong giấy nhưng vẫn do gia đình bà sử dụng. Từ năm 1992 đến khi đất bị giải tỏa theo chủ trương mở đường cao tốc M – T của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, cha mẹ bà K đã xây dựng nhà trọ trên diện tích 94m²:

1/ Hạng mục nhà cấp 4C, tổng diện tích 92.5m² (dài 18.5m, rộng 5m)

2/ Diện tích phân bố ra 5 căn nhà trọ bình dân nền gạch và xi măng cho thuê.

3/ Đã được cấp giấy phép kinh doanh nhà trọ, có giấy xác nhận địa phương và Ủy ban nhân dân phường (Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận ngày 17/01/2016 và Tòa án nhân dân cấp cao nhận ngày 01/9/2016).

Ngày 09/12/2015, bà K khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T theo đơn khởi kiện này. Bà yêu cầu bồi thường đúng và đủ theo biên bản kiểm kê số 1135/2006 của Ban chỉ đạo bồi thường tỉnh Bình Dương.

Năm 2006, khi Ban chỉ đạo bồi thường giải tỏa tỉnh Bình Dương đến làm việc với gia đình bà K, theo biên bản hiện trạng số 1135 ngày 22/12/2016 Hội đồng bồi thường giải tỏa đã thể hiện nội dung diện tích đất, nhà và các công trình đúng như nêu trên. Gồm có 05 căn nhà: 03 căn 4C, 01 căn 4B, 01 căn 4A, là 243,2m² xây dựng và 17 hạng mục công trình kiến trúc khác là 111,085m² xây dựng riêng biệt; cộng diện tích nhà 243,2m² + 111,085m² = 354,285m². Diện tích đã thanh toán là 354.285m² - 260m² thổ cư, còn lại 94m² chưa bồi thường.

Sau khi gia đình bà K di dời, thành phố đã cho ủi trắng để thi công công trình, tuy nhiên việc bồi thường lại không đầy đủ. Sau 6 lần bồi thường mới trả cho gia đình bà K tổng số tiền là: 2.318.738.125đ (hai tỷ ba trăm mười tám triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn một trăm hai mươi lăm đồng).

Đến năm 2014, sau 6 lần đền bù nhưng vẫn không đủ, đột nhiên Ủy ban nhân dân thành phố T ngừng không chi trả theo đúng dự án bồi thường chính sách hỗ trợ khi giải tỏa trắng, hỗ trợ gia đình chính sách, hỗ trợ chuyển đổi nghề, quán, trọ.

Yêu cầu bồi thường của bà K:

1/ Tiền chính sách ưu đãi gia đình thương binh liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng: 5.000.000 đồng.

2/ Trong bản kiểm kê số 1135DN ngày 22/12/2006 có ghi rõ 17 hạng mục công trình, nhưng mới chỉ bồi thường 14 hạng mục còn 03 hạng mục là bê tông $86.25m^2$ chưa thanh toán bồi thường (mục 3 sân trọ = $37m^2$, mục 12 hông nhà $28m^2$, mục 14 cổng vào $21.250m^2$) phần đất đã trả trong $260m^2$ đất thổ cư chỉ nợ tiền cát cement. Tiền vật liệu đổ nền bê tông: $86,25m^2 \times 105.000đ/m^2 = 9.056.000$ đồng.

3/ Bồi thường diện tích đất $89,875m^2$ theo đơn giá điểm C trang 4 Quyết Định số 4149/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ($354.285m^2 - 260m^2$ thổ cư đất - $4.5m^2 - 89.758m^2$ đất nông nghiệp) đã trả tiền tài sản trên đất, đây là giá năm 2006: $89,785m^2 \times 2.000.000đ/m^2 = 179.570.000đ$.

Mua thêm $4.5m^2$ lối đi ra ngoài là 9.000.000 đồng do bà Ph và ông H bán lại cho gia đình bà K (đã có phường P xác nhận).

4/ Đất bị giải tỏa trắng nên được hỗ trợ mua một nền đất tái định cư theo giá ưu đãi trên đất có xây dựng nhà trọ được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận chưa có chỗ ở ổn định (số đất $94,5m^2$). Xin được tái định cư $100m^2$ tại khu 9, phường P1 vì các hộ cùng dự án cũng được xét cấp tái định cư trên địa bàn P1 (phần nhận tái định cư cam kết là không có khiếu nại) mà xin tái định cư trên nền đất nông nghiệp chưa bồi thường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xác nhận ngày 22/12/2016 (không khởi kiện, giấy hủy bỏ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ký ngày 09/01/2014). Ông Chủ tịch Lâm Phi H ký công nhận có đất tại biên bản kiểm kê 1135/2006 và hội đồng kiểm kê ký xác nhận.

5/ Hỗ trợ tìm chỗ ở cho gia đình chưa có nhà ở bị giải tỏa trắng nhà ở là 24.000.000đ. Căn cứ trang 17 số III Quyết Định số 4149/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Mỗi tháng 1.000.000đ trong khi chờ tái định cư từ năm 2008 – năm 2011.

6/ Hỗ trợ thiệt hại việc kinh doanh tiệm tạp hóa và nhà trọ bị ảnh hưởng theo quy định tại 248/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định đơn giá bồi thường hỗ trợ giải tỏa trắng + Quyết Định số 4149/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (hỗ trợ kinh doanh + nhà trọ doanh thu dưới 10.000.000đ/tháng)

Nhà trọ $6.000.000đ +$ tiệm tạp hóa $2.400.000 = 8.400.000đ$

7/ Tiền hỗ trợ giá xây dựng các công trình là 69.392.624đ.

Yêu cầu hội đồng xét xử xem xét, tuyên buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương bồi thường tổng cộng số tiền là 304.418.624đ (ba trăm lẻ bốn triệu bốn trăm mười tám ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng). Đây là giá bồi thường năm 2006 đến nay là năm 2017, giá đất và tiền cũng đã trượt giá vì đã 11 năm. Nên yêu cầu phải hỗ trợ lãi suất và tăng giá đất để phù hợp pháp luật giá đất hàng năm và giảm bớt thiệt thòi cho gia đình bà K.

- Yêu cầu hỗ trợ tiền trượt giá và tổn thất tinh thần, thời gian kéo dài đi kiện gần 12 năm.

- Yêu cầu xác minh thực tế trước khi ra quyết định bản án. Hiện trạng không còn thì còn Biên bản bồi thường số 1135DN/BB-BT ngày 22/12/2006 là biên bản pháp lý hiện trạng ban đầu còn nguyên là cơ sở Ủy ban nhân dân thành phố T và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đem sao chép, photo biên bản 1135/2006 và bớt đi là bà K không đồng ý, không có tài liệu ghi chép nào thể hiện có sự hoán đổi ghi trong Biên bản bồi thường số 1135DN/BB-BT ngày 22/12/2006 đã công bố niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường P.

Hồ sơ bà K khởi kiện là bồi thường thiếu tại bản kiểm kê 2006. Là 17 mục và 354m² xây dựng đã được công nhận bồi thường 3 nhà 4C nền gạch và 17 danh mục công trình ngoài đất, làm cổng ra vào nhà, sân phơi lối đi hông nhà, đang nợ.

Biên bản số 86 (BCM) PL/PA.MP-TV ngày 27/9/2010 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã T bà K không khiếu nại vì bản này kiểm kê 2010 ghi ông Ph đã chết 10 năm để ghi hiện trạng. Trong khi hiện trạng đã giải tỏa không còn và bà K đã ký công nhận tại bản này là nền tái định cư đúng vị trí loại đất bồi thường giải tỏa. Biên bản số 86 (BCM) PL/PA.MP-TV ngày 27/9/2010 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã T là chi tiết áp dụng chi tiền đợt 2.

Bà K khiếu nại phần nợ gia đình chính sách Mẹ Việt Nam anh hùng còn nợ trong phương án bồi thường giải tỏa trắng chưa trả.

Bà K đề nghị trả tiền nợ và phần đất nợ là phần đất nằm lối đi ra vào nhà và sinh hoạt mà Biên bản bồi thường số 1135DN/BB-BT ngày 22/12/2006 đã bồi thường đợt 2 vẫn còn nợ chưa trả thể hiện trong bản kiểm kê.

Bà K yêu cầu giải quyết 1 nền tái định cư 100m² trong phần đất được thể hiện trong biên bản bồi thường còn nợ đất đã trả phần tài sản trên đất. Bà K không dựa là gia đình chính sách xin thêm gì cả, mà do ban bồi thường chưa trả dứt điểm trong 6 lần trả vẫn nợ. Đề nghị thẩm phán làm rõ Biên bản số 86 (BCM) PL/PA.MP-TV ngày 27/9/2010 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã T là biên bản không có giá trị pháp lý, nên không thể chứng minh và làm căn cứ bỏ qua Biên bản bồi thường số 1135DN/BB-BT ngày 22/12/2006 Hội đồng bồi thường giải tỏa còn nợ. Bà K đòi nợ Hội đồng bồi thường giải tỏa còn thiếu nợ phần hỗ trợ chính sách Mẹ Việt Nam anh hùng.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương bồi thường đúng phương án bồi thường giải tỏa. Tổng cộng các phần còn thiếu 94,5m² đất; số tiền tiêu chuẩn của gia đình có công, liệt sĩ, mẹ Việt Nam anh hùng; tiền cho gia đình có nhà bị giải tỏa trắng. Như vậy, tổng số tiền phải trả là 304.418.624đ, đây là giá bồi thường năm 2006, đến nay là năm 2017 giá đất và giá tiền trượt giá gần 11 năm nên yêu cầu hỗ trợ lãi suất và tăng giá đất có thay đổi trên địa bàn tỉnh; giảm bớt thiệt thòi cho mẹ bà K là bà Dần và gia đình (một nền tái định cư 100m²; trong số đất 94,5m² đất nông nghiệp và 4,5m² đất mua thêm), lấy lại công bằng và niềm tin cho gia đình chính sách mà Đảng và Nhà nước ưu đãi.

Tại bản tường trình ngày 21/12/2017 của người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Bùi Minh Thanh – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

1. Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Phần diện tích 260m² đất ở thuộc thửa 43, tờ bản đồ 13, phường P (nằm trong phạm vi giải tỏa công trình đường M - T) của ông Nguyễn Thành Ph (hiện do bà Nguyễn Thị K làm đại diện thừa kế) được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 427 QSDĐ cấp ngày 26/5/1998. Hộ gia đình ông Nguyễn Thành Ph đã quản lý, sử dụng diện tích đất trên cho đến khi Nhà nước thu hồi thực hiện công trình đường M - T.

2. Quá trình kiểm kê, bồi thường:

Năm 2006, Công ty B thực hiện kiểm kê, áp giá bồi thường giải tỏa công trình đường Tạo lực số 1, đầu nối đường ĐT743 với Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương (nay là công trình đường M - T), trong đó, có thửa đất của hộ ông Nguyễn Thành Ph (do bà Nguyễn Thị K làm đại diện thừa kế) thuộc phạm vi giải tỏa của công trình nêu trên. Tổ chuyên viên của Ban chỉ đạo bồi thường giải tỏa đường đầu nối Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương đã lập biên bản kiểm kê, bồi thường số 1135DN ngày 22/12/2006 và được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận. Tuy nhiên, do Dự án đường T1 chồng lấn (một phần đầu tuyến từ đường ĐT 742) với dự án đường M - T nên Ban chỉ đạo bồi thường giải tỏa Khu Liên Hợp chưa triển khai bồi thường.

Năm 2008, Ban Bồi thường — Giải tỏa thị xã T (nay là Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T) nhận bàn giao công tác kiểm kê áp giá bồi thường từ Công ty B đối với công trình trên.

Ngày 25/8/2010, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố căn cứ vào biên bản bồi thường số 1135DN/BB-BT ngày 22/12/2006 của Tổ chuyên viên Ban chỉ đạo bồi thường giải tỏa đường đầu nối Khu Liên hợp, tiến hành kiểm kê hiện trạng đất và tài sản trên đất của hộ ông Nguyễn Thành Ph (do bà Nguyễn Thị K làm đại diện thừa kế) tại biên bản số 86(BCM)PL/MP-TV.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 427 QSDĐ cấp ngày 26/5/1998 cho ông Nguyễn Thành Ph với tổng diện tích 260m² đất thổ cư, ngoài ra ông Ph còn sử dụng 4,5m² đất nông nghiệp ngoài giấy chứng nhận đã được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận. Trung tâm phát triển quỹ đất đã tham mưu cho cấp thẩm quyền bồi thường cho ông Nguyễn Thành Ph với tổng diện tích 264,5m².

Căn cứ phần IV tại Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình đường M- T thì trường hợp của ông Nguyễn Thành Ph có nhà, đất bị giải tỏa trắng đủ điều kiện được nhận nên tái định cư. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã bố trí tái định cư cho ông Ph tại Khu Liên hợp Đô thị - Công nghiệp - Dịch vụ Bình Dương.

Ngày 28/3/2011, Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định số 1082/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thành Ph thuộc tờ bản

đồ 13, thửa số 43, diện tích 264,5m² tại phường P.

Ngày 19/7/2011, bà Nguyễn Thị K (đại diện thừa kế của ông Nguyễn Thành Ph) có đơn kiến nghị với nội dung không nhận nền tái định cư và đề nghị được hỗ trợ tái định cư bằng tiền theo phương án của công trình đường M - T.

Ngày 02/8/2011, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường P, Ban Quản lý Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị (thuộc Công ty B) tiến hành làm việc, giải thích về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị K, nhưng bà K trình bày có thể tìm được chỗ ở mới nên xin được nhận tái định cư bằng tiền và cam kết không thắc mắc, khiếu nại. Do vậy, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã tiến hành áp giá hỗ trợ tái định cư bằng tiền và chi trả số tiền cho bà K theo quy định với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 2.313.738.125 đồng. Sau đó bà K đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

Ngày 25/4/2013, bà Nguyễn Thị K có đơn gửi đến Điểm tiếp công dân của Ủy ban nhân dân thành phố T, nội dung xin mua 01 nền tái định cư tại khu 9, phường P1.

3. Quá trình giải quyết:

Ủy ban nhân dân thành phố T đã ban hành Công văn số 1785/UBND-NC ngày 30/7/2013 về việc trả lời đơn cho bà K với nội dung không có cơ sở xem xét giải quyết.

Không đồng ý với nội dung công văn trả lời nêu trên, ngày 09/9/2013, bà K lại tiếp tục gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thành phố với nội dung: “đề nghị xin xem xét được mua 01 nền nhà ở tại Khu tái định cư khu 9, phường P1, với lý do: Gia đình bà thuộc trường hợp giải tỏa trắng của công trình đường M - T và đề nghị hỗ trợ bổ sung, vì gia đình bà thuộc diện thương binh liệt sĩ”

Ngày 10/12/2013, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Công văn số 2977/UBND-NC về việc trả lời yêu cầu của bà Nguyễn Thị K là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Không đồng ý với nội dung các công văn trả lời nêu trên, bà Nguyễn Thị K có Đơn khiếu nại ngày 17/7/2014 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; yêu cầu bồi thường 89m² đất nông nghiệp ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 01/10/2014, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3809/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K, nội dung: “Nay bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K đối với việc yêu cầu bồi thường diện tích 89m² đất nông nghiệp ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khiếu nại công văn số 1785/UBND-NC ngày 30/7/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị K. Lý do: không có cơ sở xem xét giải quyết.

Không đồng ý với quyết định giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố T, bà K có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương khiếu nại Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị K và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết tại Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 với nội

dung: “Nay bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K đối với Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và việc yêu cầu bồi thường 89m² đất nông nghiệp nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin mua 01 nền tái định cư trên phần đất nông nghiệp 89m² đã giải tỏa nhưng chưa bồi thường, bồi thường chênh lệch đối với 03 hạng mục còn thiếu so với Biên bản ngày 22/12/2006 của Công ty B thuộc Công trình đường M - T.

Công nhận Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K, là đúng quy định pháp luật.

Hiện nay bà K có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị K.

Nhận thấy, việc bà Nguyễn Thị K khiếu nại yêu cầu bồi thường thêm 89m² đất nông nghiệp ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khiếu nại Công văn số 1785/UBND-NC ngày 30/7/2013 của UBND thành phố T là không có cơ sở xem xét giải quyết. Vì, Công trình đường M - T được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 4084/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 và ban hành đơn giá bồi thường đất, tài sản trên đất tại Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 được điều chỉnh bổ sung tại các Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 27/4/2009; 446/QĐ-UBND ngày 29/01/2010; 1615/QĐ-UBND ngày 01/6/2010. Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân thành phố T đã áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất (gồm 260m² đất ở và 4,5m² đất ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị K (đại diện kiểm kê của ông Nguyễn Thành Ph) đúng theo phương án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Bên cạnh đó, bà Nguyễn Thị K đã được hỗ trợ chính sách tái định cư (theo yêu cầu của bà là bằng tiền) trên cơ sở nguyện vọng đề nghị hỗ trợ tái định cư bằng tiền là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài diện tích đã được bồi thường nêu trên hộ ông Nguyễn Thành Ph (bà Nguyễn Thị K) không bị thu hồi diện tích đất nào khác, nên việc bà yêu cầu bồi thường thêm phần diện tích 89m² đất nông nghiệp ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng bà K không cung cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay các giấy tờ theo quy định đối với phần diện tích nông nghiệp trên nên không có cơ sở xem xét bồi thường.

Thực tế, vì trước đây nhằm giảm bớt thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Thành Ph (bà Nguyễn Thị K đại diện thừa kế) nên Ban chỉ đạo bồi thường giải tỏa đường đầu nối Khu liên hợp hoán đổi nền gạch men (gắn liền với 03 căn nhà cấp 4C) thành nền bê tông để áp giá hỗ trợ cho ông Nguyễn Thành Ph; Tuy nhiên việc hoán đổi này là không phù hợp, vì khi tính toán, phân cấp nhà (cấp 4A, 4B, 4C) là đã tính toán hết kết cấu của căn nhà (gồm: nền, cột, tường, mái...) từ đó đưa ra đơn giá bồi thường cho từng cấp nhà. Khi Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố nhận bàn giao công tác kiểm kê, áp giá bồi thường đối với công trình đường M - T và tiến hành kiểm tra hiện trạng, áp giá lại theo quy định hộ ông Nguyễn Thành Ph không được áp giá bổ sung đối với 03 hạng mục nền bê tông xi măng, vì 03 hạng mục này chính là hạng mục nền gạch men gắn liền với 03 căn nhà cấp 4C và được

áp giá bồi thường chung với đơn giá nhà cấp 4C. Do đó việc ủy ban nhân dân thành phố T không giải quyết bồi thường đối với 89m² đất nông nghiệp nêu trên là đúng quy định, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành công văn số 1785/UBND-NC ngày 30/7/2013 và Công văn số 2977/UBND-NC ngày 10/12/2013 trả lời không có cơ sở xem xét giải quyết đối với đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị K xin được mua 01 nền tái định cư tại khu 9, phường P1, là đúng quy định của pháp luật nên việc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị K với nội dung bác đơn khiếu nại của bà K là phù hợp quy định pháp luật.

Đồng thời, bà Nguyễn Thị K đã tiến hành khiếu nại Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị K tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết tại Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 với nội dung: “Nay bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K đối với Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014..”,.

Từ những cơ sở nêu trên, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét bác đơn của bà Nguyễn Thị K khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị K.

Tại bản tường trình ngày 21/03/2018 của người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Trọng A – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Qua xem xét nội dung người khởi kiện bà Nguyễn Thị K yêu cầu: Hủy Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; Hủy Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị K; yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương bồi thường đúng phương án bồi thường giải tỏa. Tổng cộng các phần còn thiếu 94,5m² đất; số tiền tiêu chuẩn của gia đình có công liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng; tiền cho gia đình có nhà bị giải tỏa trắng. Như vậy, tổng số tiền phải trả là 304.418.624 đồng, đây là giá bồi thường năm 2006, đến nay là năm 2017 giá đất và tiền trượt giá gần 11 năm nên yêu cầu hỗ trợ lãi suất và tăng giá đất có thay đổi trên địa bàn tỉnh; Yêu cầu giải quyết 01 nền tái định cư 100m² (trong số đất 94,5m² đất).

Ông Nguyễn Trọng A - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện giữ nguyên quan điểm đối với vụ khiếu kiện quyết định hành chính (người khởi kiện bà Nguyễn Thị K) như tại Công văn số 2651/UBND-NC ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố T.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị K với nội dung bác đơn khiếu nại của bà K là phù hợp quy định pháp luật. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét bác đơn của bà Nguyễn Thị K khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

Tại bản giải trình ngày 05/01/2018 của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương là ông Mai Hùng D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày:

1. Nội dung khiếu nại:

Bà Nguyễn Thị K khiếu nại yêu cầu huỷ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T do không đảm bảo thể thức, không đúng mẫu, thiếu căn cứ pháp lý và yêu cầu bồi thường 89m² đất nông nghiệp nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin mua 01 nền tái định cư trên phần đất nông nghiệp 89m² đã giải toả nhưng chưa bồi thường, bồi thường chênh lệch đối với 03 hạng mục còn thiếu so với Biên bản ngày 22/12/2006 của Công ty B thuộc Công trình đường M - T.

2. Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu:

Ngày 01/10/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3809/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K, nội dung: Bác yêu cầu bồi thường 89m² đất nông nghiệp nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Công trình đường M - T.

Không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, bà Nguyễn Thị K khiếu nại tiếp đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại:

3.1. Nguồn gốc đất:

Phần diện tích đất bị giải toả thuộc Công trình đường M - T, hiện bà Nguyễn Thị K khiếu nại, có nguồn gốc như sau:

- Diện tích 260m² đất ở (trong đó có 31,8m² đất hành lang bảo vệ đường bộ) của ông Nguyễn Thành Ph (do bà Nguyễn Thị K đại diện thừa kế) được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 427QSDĐ ngày 26/5/1998. Hộ ông Nguyễn Thành Ph quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên đến khi Nhà nước thu hồi thực hiện công trình đường M - T.

- Diện tích 4,5m² đất nông nghiệp nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Nguyễn Thành Ph sử dụng và được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận.

3.2. Việc thu hồi đất, kiểm kê và áp giá bồi thường:

Ngày 22/12/2006, Tổ chuyên viên Ban chỉ đạo bồi thường giải toả đường đầu nối Khu Liên hợp kiểm kê và áp giá bồi thường đất, tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị K thuộc Công trình đường Tạo lực số 1 đầu nối đường ĐT 743 với Khu Liên hợp Công Nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương (nay là Công trình đường M - T) với số tiền 1.290.148.750 đồng (Biên bản số 1135DN/BB-BT ngày 22/12/2006).

Năm 2008, Ban bồi thường - Giải toả thị xã T (nay là Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T) nhận bàn giao công tác kiểm kê, áp giá bồi thường từ Tổng Công ty B (B IDC CORP) đối với Công trình đường M - T, trong đó có hộ ông Nguyễn Thành Ph (do bà Nguyễn Thị K đại diện thừa kế).

Căn cứ vào Biên bản kiểm kê của Tổ chuyên viên Ban chỉ đạo bồi thường giải toả đường đầu nối Khu Liên hợp, ngày 25/8/2010 Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã T tiến hành kiểm kê hiện trạng đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Thành Ph tại Biên bản số 86 (BCM) PL/MP-TV, gồm có 14 hạng mục.

Ngày 27/9/2010, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã T lập Biên bản số 86 (BCM) PL/PA.MP-TV về việc áp giá bồi thường về đất và tài sản trên đất cho hộ ông Nguyễn Thành Ph (chết) - bà Nguyễn Thị K.

Ngày 28/3/2011, Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định số 1082/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành Ph thuộc tờ bản đồ số 13, thửa 43, diện tích 264,5m² (trong đó: diện tích đất bảo vệ hành lang đường bộ 31,8m²) tại phường P2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ngày 30/3/2011, Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của ông Nguyễn Thành Ph (chết) - bà Nguyễn Thị K ngụ tại khu 8, phường P2, thị xã T, tỉnh Bình Dương, với số tiền 758.089.375 đồng (2.048.238.125 đồng - 1.290.148.750 đồng).

Ngày 19/7/2011, bà Nguyễn Thị K có đơn kiến nghị không nhận nền tái định cư và đề nghị được hỗ trợ tái định cư bằng tiền theo quy định của Phương án bồi thường. Ngày 02/8/2011, Trung tâm phát triển Quỹ đất thị xã T phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường P2, Ban Quản lý Khu Liên hợp Công Nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương tổ chức làm việc với bà Nguyễn Thị K. Tại buổi làm việc, các ngành chức năng đã vận động, giải thích về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị K, nhưng bà Nguyễn Thị K trình bày có thể tìm được chỗ ở mới nên xin được hỗ trợ tái định cư bằng tiền và cam kết không thắc mắc, khiếu nại về sau. Do đó, Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố T tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố T áp giá hỗ trợ tái định cư bằng tiền cho bà Nguyễn Thị K với số tiền 225.000.000 đồng.

Ngày 26/6/2012, Trung tâm phát triển Quỹ đất thị xã T áp giá bồi thường bổ sung về đất (43m²), với số tiền 18.900.000 đồng (40.500.000đ - 21.600.000đ).

Ngày 10/3/2014, Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố T chỉ hỗ trợ tiền thuê nhà cho bà Nguyễn Thị K với số tiền 6.000.000 đồng (thời gian chờ lập chỗ ở mới).

3.3. Quá trình giải quyết khiếu nại:

Ngày 25/4/2013, bà Nguyễn Thị K có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố T xin mua 01 nền tái định cư tại Khu tái định cư Khu 9, phường P1.

Ngày 30/7/2013, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Văn bản số 1785/UBND-NC về việc trả lời đơn cho bà Nguyễn Thị K xin mua 01 nền tái định cư tại Khu tái định cư Khu 9, phường P1 là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Không đồng ý, bà Nguyễn Thị K tiếp tục khiếu nại.

Ngày 10/12/2013, Ủy ban nhân dân thành phố T có Văn số 2977/UBND - NC về việc trả lời yêu cầu của bà Nguyễn Thị K là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ngày 09/01/2014, Ủy ban nhân dân phường P ký xác nhận vào Tờ khai xác nhận mốc thời gian sử dụng đất của bà Nguyễn Thị K với nội dung xác nhận diện tích đất nông nghiệp 89,785m² đất do gia đình tự kê khai. Tuy nhiên, ngày 18/3/2014 Ủy ban nhân dân phường P ban hành Văn bản số 39/UBND- NC về việc hủy bỏ nội dung xác nhận Tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất ngày 09/01/2014 của bà Nguyễn Thị K, lý do là không đúng về diện tích do Bà tự kê khai nằm trong phần đất đã được nhận đền bù.

4. Kết quả đối thoại:

Ngày 16/4/2015, Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với các ngành chức năng có liên quan tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị K. Kết quả đối thoại cho thấy nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị K không phát sinh tình tiết gì mới so với kết quả xác minh của Thanh tra tỉnh.

5. Nhận xét:

- Việc bà Nguyễn Thị K yêu cầu hủy Quyết định số 3809/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và yêu cầu bồi thường 89m² đất nông nghiệp nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin mua một nền tái định cư trên phần đất nông nghiệp đã giải toả nhưng chưa bồi thường thuộc Công trình đường M - T là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì:

+ Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 427 QSDĐ ngày 26/5/1998 do UBND thị xã T cấp cho ông Nguyễn Thành Ph (cha bà Nguyễn Thị K) thì hộ ông Nguyễn Thành Ph chỉ có diện tích 260m² đất ở. Ngoài ra, hộ ông Nguyễn Thành Ph còn quản lý, sử dụng phần diện tích 4,5m² đất nông nghiệp (nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận.

Toàn bộ diện tích 264,5m² đất nêu trên, đã được Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố T kiểm kê và áp giá bồi thường theo đúng phương án bồi thường thuộc Công trình đường M - T và bà Nguyễn Thị K đã nhận xong tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ngoài diện tích đất đã được bồi thường nêu trên, hộ ông Nguyễn Thành Ph hay bà Nguyễn Thị K không bị thu hồi diện tích đất nào khác. Theo hồ sơ áp giá bồi thường, thì hộ ông Nguyễn Thành Ph (do bà Nguyễn Thị K đại diện theo thừa kế) được cấp 01 suất tái định cư, nhưng bà Nguyễn Thị K không nhận đất tái định cư mà yêu cầu được nhận một suất tái định cư bằng tiền và tự lo chỗ ở mới; Ủy ban nhân dân thành phố T đã chấp thuận, giải quyết cho bà Nguyễn Thị K 01 suất tái định cư bằng tiền và bà Nguyễn Thị K đã nhận tiền hỗ trợ (Phiếu chi ngày 25/11/2011: 225.000.000 đồng).

- Việc bà Nguyễn Thị K yêu cầu bồi thường chênh lệch đối với 03 hạng mục (nền bê tông xi măng) còn thiếu so với Biên bản ngày 22/12/2006 của Công ty B, là không có cơ sở xem xét giải quyết, vì: Trước đây, nhằm giảm bớt thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Thành Ph (do bà Nguyễn Thị K đại diện theo thừa kế) nên Ban chỉ đạo bồi thường giải toả đường đầu nối Khu Liên hợp qui đổi nền gạch men (gắn liền với 03 căn nhà cấp 4C) thành nền bê tông để áp giá hỗ trợ cho ông Nguyễn Thành Ph; tuy nhiên, việc qui đổi này là không phù hợp, vì khi tính toán, phân cấp nhà (cấp 4A, 4B, 4C) là đã tính toán hết kết cấu của căn nhà (gồm: nền,

cột, tường, mái...), từ đó đưa ra giá bồi thường cho từng cấp nhà. Do đó, khi Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố T nhận bàn giao công tác kiểm kê, áp giá bồi thường đối với Công trình đường M - T và tiến hành kiểm tra hiện trạng, áp giá lại theo quy định, thì hộ ông Nguyễn Thành Ph không được áp giá bổ sung đối với 03 hạng mục này (nền xi măng), vì 03 hạng mục này là 03 hạng mục nền gạch men gắn liền với 03 căn nhà cấp 4C và được áp giá bồi thường chung với đơn giá nhà cấp 4C.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K là đúng quy định pháp luật.

Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K; công nhận nội dung Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản giải trình ngày 12/3/2018 của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương là ông Mai Hùng D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày bổ sung đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị K:

1. Nội dung khởi kiện bổ sung:

Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương bồi thường đúng phương án bồi thường giải tỏa. Tổng cộng các phần còn thiếu 94,5m²; số tiền tiêu chuẩn của gia đình có công, liệt sỹ, Mẹ Việt Nam anh hùng; tiền do gia đình có nhà bị giải tỏa trắng. Như vậy, tổng số tiền phải trả là 304.418.624 đồng, đây là giá bồi thường năm 2006, đến nay là năm 2017 giá đất và giá tiền trượt giá gần 11 năm nên yêu cầu hỗ trợ lãi suất và tăng giá đất có thay đổi trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu giải quyết một nền đất tái định cư 100m² (trong số đất 94,5m² đất).

2. Nội dung giải trình:

- Phần diện tích đất bị giải tỏa thuộc Công trình đường M - T, hiện bà Nguyễn Thị K khiếu nại, khởi kiện có nguồn gốc của ông Nguyễn Thành Ph (do bà Nguyễn Thị K đại diện thừa kế) được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 427QSDĐ ngày 26/5/1998 và diện tích 4,5m² đất nông nghiệp nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Nguyễn Thành Ph mua thêm sử dụng và được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận. Việc thu hồi đất, kiểm kê và áp giá bồi thường đã được Ban bồi thường - Giải tỏa thị xã T (nay là Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T) kiểm kê hiện trạng đất, tài sản trên đất và áp giá bồi thường cho hộ ông Nguyễn Thành Ph (chết) - bà Nguyễn Thị K theo đúng quy định.

- Việc bà Nguyễn Thị K khiếu nại liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Công trình đường M - T, đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T xem xét giải quyết tại Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 và Chủ

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét giải quyết tại Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015, nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, bà Nguyễn Thị K đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu hủy Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; vấn đề này, Phó Chủ tịch Thường trực Mai Hùng D (là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương) đã trình bày (Bản giải trình) toàn bộ nội dung và bảo lưu kết quả giải quyết tại Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị K (theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/01/2018), ông Mai Hùng D - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị K; đồng thời, vẫn bảo lưu kết quả giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương tại Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015.

Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K; công nhận nội dung Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, là đúng quy định của pháp luật.

- ***Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D:*** Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tại bản án hành chính số 06/2018/HCST ngày 16-4-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với yêu cầu bồi thường phần diện tích đất 89,785m², số đất nông nghiệp mua thêm 4,5m² và yêu cầu giải quyết hỗ trợ 100m² đất nền tái định cư tại khu 9, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Yêu cầu Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương bồi thường đúng phương án bồi thường giải tỏa. Tổng cộng các phần còn thiếu 94,5m² đất; số tiền tiêu chuẩn của gia đình có công, liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng; tiền cho gia đình có nhà bị giải tỏa trắng. Như vậy, tổng số tiền phải trả là 304.418.624 đồng, đây là giá bồi thường năm 2006, đến nay là năm 2017 giá đất và giá tiền trượt giá gần 11 năm nên yêu cầu hỗ trợ lãi suất và tăng giá đất có thay đổi trên địa bàn tỉnh; yêu cầu hủy Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K.

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2018, người khởi kiện bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của đương sự nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã căn cứ vào các Điều 126, Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố T, tỉnh Bình Dương ban hành là đúng thẩm quyền.

[2.2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, thấy rằng:

Phần đất có diện tích 260m² đất ở thuộc thửa 43, tờ bản đồ số 13, phường P (nằm trong phạm vi giải tỏa công trình đường M – T) của ông Nguyễn Thành Ph (hiện do bà Nguyễn Thị K làm đại diện thừa kế) được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 427 QSDĐ cấp ngày 26/5/1998. Hộ gia đình ông Nguyễn Thành Ph đã quản lý, sử dụng diện tích đất trên cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện công trình đường M – T. (Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 427 QSDĐ ngày 26/5/1998 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Ph với tổng diện tích 260 m², thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại phường P2, thị xã (nay thành phố) T, tỉnh Bình Dương (nằm trong phạm vi giải tỏa công trình đường M – T)).

Năm 2006, Công ty B (B) thực hiện kiểm kê, áp giá bồi thường giải tỏa công trình đường Tạo lực số 1, đầu nối đường ĐT 743 với Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương (nay là công trình đường M – T), trong đó có thửa đất của hộ ông Nguyễn Thành Ph (do bà Nguyễn Thị K làm đại diện thừa kế) thuộc phạm vi giải tỏa của công trình nêu trên. Tổ chuyên viên của Ban chỉ đạo bồi thường giải tỏa đường đầu nối Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô

thị Bình Dương đã lập Biên bản kiểm kê, bồi thường số 1135DN/BB-BT ngày 22/12/2006 và được Ủy ban nhân dân phường P xác nhận. Tuy nhiên, do Dự án đường T1 chồng lấn (một phần đầu tuyến từ đường ĐT 742) với dự án đường M – T nên Ban chỉ đạo bồi thường giải tỏa Khu Liên Hợp chưa triển khai bồi thường.

Tại Quyết định số 4084/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành đơn giá bồi thường đất, tài sản trên đất và tại Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 được điều chỉnh bổ sung. Năm 2008, Ban Bồi thường – Giải tỏa thị xã T (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T) nhận bàn giao công tác kiểm kê, áp giá bồi thường từ Công ty B đối với công trình trên.

Ngày 25/8/2010, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T căn cứ vào Biên bản bồi thường số 1135DN/BB-BT ngày 22/12/2006 của Tổ chuyên viên Ban chỉ đạo bồi thường giải tỏa đường đầu nội Khu Liên hợp, tiến hành kiểm kê hiện trạng đất và tài sản trên đất của hộ ông Nguyễn Thành Ph (do bà Nguyễn Thị K làm đại diện thừa kế) tại Biên bản số 86(BCM)PL/MP-TV bà Nguyễn Thị K chứng kiến và đồng ý ký tên vào biên bản.

Ngày 19/7/2011, bà Nguyễn Thị K (đại diện thừa kế của ông Nguyễn Thành Ph) có đơn kiến nghị với nội dung không nhận nền tái định cư và đề nghị được hỗ trợ tái định cư bằng tiền theo phương án của công trình đường M – T. Ngày 02/8/2011, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường P, Ban Quản lý Khu Liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị (thuộc Công ty B) tiến hành làm việc, giải thích về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị K, nhưng bà K trình bày có thể tìm được chỗ ở mới nên xin được nhận tái định cư bằng tiền và cam kết không thắc mắc, khiếu nại. Do vậy, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã tiến hành áp giá hỗ trợ tái định cư bằng tiền và chi trả số tiền cho bà K theo quy định với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 2.313.738.125 đồng. Sau đó bà K đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

Đối chiếu Biên bản kiểm kê ngày 22/12/2006 với Biên bản kiểm kê ngày 25/8/2010 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T thì 03 hạng mục công trình số 3 = 37 m², số 12 = 28 m², số 14 = 21,25 m², tổng cộng 86,25m² thể hiện nằm trong diện tích căn nhà cấp 4A có diện tích 72,50 m² trong đó có diện tích 14m² nền lát gạch men, căn nhà cấp 4B có diện tích 38m² trong đó có diện tích 8,5m² nền lát gạch men và căn nhà cấp 4C có diện tích 92,50m² trong đó có 18,50m² nền lát gạch men.

Căn cứ biên bản giải trình ngày 10/3/2014 và ngày 10/4/2014 của Ban quản lý phát triển Khu liên hợp Bình Dương chi nhánh Tổng công ty B thì căn nhà bà K có kết cấu khác nhà cấp 4, nhưng có nền gạch men, vì muốn hỗ trợ thêm cho người dân nên đã chuyển đổi gạch men sang nền bê tông, vì vậy diện tích theo Biên bản kiểm kê ngày 22/12/2006 có tăng tổng cộng 86,25m² nền bê tông. Nhưng trên thực tế diện tích 86,25m² nền bê tông được thể hiện nằm trong các căn nhà cấp 4A có diện tích 72,50m² trong đó có diện tích 14m² nền lát gạch men, căn nhà cấp 4B có diện tích 38m² trong đó có diện tích 8,5m² nền lát gạch men và căn nhà cấp 4C có diện tích 92,50m² trong đó có 18,50m² nền lát gạch men. Đối chiếu các

quy định nêu trên thì 03 hạng mục nền bê tông chưa bồi thường, theo yêu cầu của bà K là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu được bồi thường phần diện tích đất $89,785\text{m}^2$, số đất nông nghiệp mua thêm $4,5\text{m}^2$ và yêu cầu được hỗ trợ mua 100m^2 đất nền tái định cư tại khu 9, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Yêu cầu Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương bồi thường đúng phương án bồi thường giải tỏa. Tổng cộng các phần còn thiếu $94,5\text{m}^2$ đất; số tiền tiêu chuẩn của gia đình có công, liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng; tiền cho gia đình có nhà bị giải tỏa trắng. Như vậy, tổng số tiền phải trả là 304.418.624 đồng. Đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Thành Ph năm 1998 và sơ đồ vị trí đất được đo đạc thực tế ngày 07/9/2010 có sự chứng kiến và ký tên của bà Nguyễn Thị K diện tích thực tế là $254,6\text{m}^2$. Vị trí tứ cận theo hiện trạng thực tế: Bắc giáp Nguyễn Thị A; Nam giáp đường P2; Đông giáp Lê Bích Ph; Tây giáp Huỳnh Anh T. Tổng diện tích $254,6\text{m}^2$ so với vị trí tứ cận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26/5/1998: Bắc giáp Nguyễn Văn Nh; Nam giáp Liên tỉnh lộ 8; Đông giáp Thái Thị C; Tây giáp Đoàn Xuân C.

Tổng diện tích 260m^2 có chênh lệch giảm $5,4\text{m}^2$. Bà K không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho rằng diện tích $89,785\text{m}^2$ đất nông nghiệp nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã (nay là thành phố) T. Ông Nguyễn Thành Ph chỉ để lại cho bà K 260m^2 . Tại bút lục 444 bản di chúc ghi: "...Tôi ghi tờ di chúc để lại cho con tôi ... 260m^2 đất ...". Ủy ban nhân dân phường P có công văn hủy bỏ nội dung xác nhận thời gian sử dụng đất của bà K (tại bút lục 428). Bà K có khai "tôi có thể tự tìm chỗ ở mới, nên tôi xin nhận tái định cư bằng tiền và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau". Do yêu cầu bồi thường $89,785\text{m}^2$ đất nông nghiệp không có cơ sở chấp nhận nên yêu cầu một nền tái định cư, yêu cầu bồi thường hỗ trợ tổng số tiền phải trả là 304.418.624 đồng, tiền trượt giá gần 11 năm yêu cầu hỗ trợ lãi suất và tăng giá đất có thay đổi trên địa bàn tỉnh là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy: Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương theo Điều 18, 40 của Luật Khiếu nại đã giải quyết đúng đối tượng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị K là có căn cứ.

[2.3]. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị K là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị K. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC- ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010971 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D 300.000 đồng (do bà Nguyễn Thị K nộp thay) tại biên lai thu số 0010972 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Mười

Phạm Thị Duyên

Hoàng Thanh Dũng